

# HỘI ÁI-HỮU BIÊN-HOÀ

Website: <https://www.bienhoatx.com>

Email liên lạc: datlam1951@yahoo.com

Hội Ái-Hữu Biên-Hoà hân hạnh giới thiệu đến quý vị bài: **Mơ Ước Làm Thầy Giáo** của thi hữu **Trần-Lâm Phát**. Hội chân thành cảm tạ tác giả. Kính mời. **Trân trọng.**



## MƠ ƯỚC LÀM THẦY GIÁO

Năm tôi lên tám, dân chúng trong làng tôi nhộn nhịp với thời hoà bình. Những đêm trăng sáng, tiếng chày giã gạo hoà âm cùng những câu ca điệu “lý con sáo” (1) làm cho sức sống tăng thêm gấp bội phần. Sáng nào các bà, các bác, các cô cũng nối tiếp gánh hàng ra chợ Trảng-Bàng trong tiếng cười rộn rã.

Một hôm, bỗng dung mọi người đồn cục trên đường làng. Nơi cổng làng, các vị làng xã và thầy giáo bắt các người phải đọc được

hai câu phấn trắng trên nền bảng xanh rồi mới được đi chợ. Nếu ai không đọc được thì phải quay trở về. Đó là phong trào chống nạn mù chữ của làng tôi. Hai câu thơ ấy không bao giờ tôi quên được vì tôi hướng dẫn má tôi đánh vần hằng ngày để má có thể gánh hàng ra chợ bán.

***Cô kia má đở hồng hồng  
Vì không biết chữ nên chống cổ chề.***

Một hôm, tôi hỏi má tôi sao bà con không học thuộc lòng rồi có thể đi chợ được. Má tôi bảo rằng chính phủ đang diệt trừ nạn mù chữ mà các thầy ngoài xóm nói là “giặc đốt”. Hơn nữa, Không Tử dạy rằng “Biết thì nói biết, không biết thì nói không biết” (2). Tên học trò lớp ba nào có biết “có biết, không biết” là cái gì rồi cũng gật đầu dạ dạ. Một hôm ngồi bên cạnh mẹ, mẹ tôi chẻ nan còn tôi thì đan rổ, mẹ tôi khẽ nói: “Con à! Con phải học cho giỏi rồi về chỉ má đánh vần và đọc, không thì cả nhà sẽ đói vì má không ra chợ được.”

Tôi thoáng nghe qua cả nhà sẽ đói thì tôi hốt sợ lên, tay chân như cái đuôi của con thằn lằn bị chặt đứt. Từ đó, ngày nào hai mẹ con cũng tập đánh vần và tôi cũng khám phá ra cách mới để mẹ tôi dễ nhận dạng ra chữ cái. Năm tôi lên mười, mẹ tôi đã nhận dạng ra được mặt chữ, đánh vần và phát âm, đọc những bài trong sách giáo khoa như “nạn lụt”, “hạn hán” v.v., nhưng không thể viết thành câu được. Tôi thì thầm lắm bảm: “Ước gì mình là thầy giáo thì sẽ có cách chỉ cho mẹ viết.” Mẹ tôi nghe được, bèn ôm tôi vào lòng, rồi mặt tôi có hai giọt nước nóng, thì ra mẹ tôi đã khóc. Tôi an ủi mẹ và hứa rằng tôi sẽ làm thầy giáo để hướng dẫn bà con trong làng biết chữ. Rồi từ đó trở đi mẹ bắt tôi ra đồng làm việc cực nhọc hơn, những khi rảnh rỗi phải theo ba đi xây nhà cho

thiên hạ. Ba tôi giao cho tôi chuốt viết chì, mài đục và giũa lưỡi cưa. Tất cả cái tôi phải làm, tôi đều ghét cả. Tôi có cái tính nói lắm bảm một mình khi tôi không vui: “Con nhất định không làm thợ mộc và cũng không làm ruộng hay đan thúng đan rổ như ba má”. Ba tôi ngược đầu lên nhìn tôi và mỉm cười rồi nói: “Nhất sĩ nhì nông.” Tôi tự nhủ: “Đúng vậy! Phải đi học, phải làm thầy giáo để không phải đan thúng, giũa cưa”. (3)

Một hôm một nhóm chúng tôi bị thầy hiệu trưởng Ân kêu lên văn phòng và biểu chúng tôi về nhà vì chúng tôi không có giấy khai sinh. Chúng tôi quì, lạy lục nhưng ông hiệu trưởng từ tốn bảo chúng tôi về nhà thưa với cha mẹ, đi làm giấy khai sanh rồi mới trở lại trường được. Trên đường về nhà, giữa buổi trưa Hè oi bức làm cho tôi cảm thấy mất đi cả sức lực. Tôi vừa đi vừa lảm bảm: “Cả làng mình sẽ không được đi chợ vì mình không có cơ hội làm thầy giáo”. Trong lúc tôi trầm ngâm suy nghĩ thì có tiếng ai ru con văng vẳng từ xa:

*Âu ..... ơ .....ơ  
Văn chương phú lục chẳng hay  
Trở về làng cũ âu ...ơ ....ơ  
Trở về làng cũ, cấy cày cho xong.*

Hứ! Tôi không đi cày, tôi không làm rẫy, tôi không đan thúng chẻ tre nữa. Tôi không thích làm những việc ấy - Tôi hét lên.

Nhìn xung quanh, chỉ có một mình tôi dưới hàng tre làng, tôi vội vã bước nhanh để về mét mẹ, nhưng tôi lại đổi ý và ghé qua chỗ ba tôi cất nhà cho bà Năm. Vừa chợt thấy tôi, ba tôi ngừng tay và hỏi: “Có chuyện gì mà con về sớm vậy”. Tôi bỗng oà lên và kể chuyện bị đuổi học. Bác Sáu Đình, người cùng làm nhà với ba tôi, cũng ngừng tay, nhăn trán một chút rồi nói với ba tôi: “Chú Hai

à! Hay là cả xóm mình rủ nhau lên toà xin giấy khai sinh cho các cháu, tôi sẽ đi theo làm chứng!” Ba tôi khe khẽ nói: “Tiền đâu mà mượn xe và lên tỉnh. Các nhân chứng đều không biết chữ làm sao mà nhớ ngày sinh tháng đẻ của tụi nó”. Ba tôi kêu tôi về nhà phụ giúp mẹ và chờ đến chiều ba tôi sẽ bàn với mẹ tôi. Tôi lê bước về nhà với mặt đura đăm ma. Mẹ tôi đang ngồi chẻ nan bèn đứng dậy, lật đật đến bên tôi và hỏi: “Con sao vậy? Con bị trúng gió hả? Đẻ má cạo gió rồi nấu nước cho con xông”. Tôi ôm ghì lấy mẹ và nức nở thút thít: “Con phải đi chăn bò và không làm thầy giáo được vì con bị đuổi ra khỏi trường”.

Tối hôm ấy, các cha mẹ có con bị đuổi học đến nhà tôi và yêu cầu ba tôi lên nhà ông Út Nhiên để nhờ xin cho các cháu được trở lại lớp học. Ba tôi buồn bả trả lời: “Ông hiệu trưởng đuổi chứ không phải thầy cô giáo!” Mọi người bàn tán xôn xao rồi bỗng dưng ba tôi đưa ý kiến: “Cứ chọn ngày dễ nhớ, đừng lấy ngày thiệt vì không ai nhớ hết các cháu đâu”. Ai cũng bắt đầu chọn ngày sinh cho con mình. Ba tôi và Cậu Tư tôi chọn cho anh họ tôi ngày 09 tháng 9 năm 1949, anh tôi ngày 07 tháng 7 năm 1948 và tôi ngày 10 tháng 10 năm 1950 (mặc dù tôi sanh ngày 18 tháng 8 năm 1950). Rồi cứ hằng đêm, các nhân chứng đến nhà tôi để học nhớ ngày sinh tháng đẻ. Ông Út Nhiên giả làm quan toà (Ông Út là thầy giáo) và chỉ tay về phía chúng tôi và hỏi nhân chứng ngày sinh nhật của chúng tôi. Hằng ngày, mẹ tôi và tôi cứ hỏi nhau ngày sinh của anh tôi và của tôi.

Một tháng trôi qua, tôi và các bạn hàng xóm vẫn đến trường, nhưng không được vào lớp. Tôi đứng ngoài hàng hiên nhìn qua cửa sổ để chép bài và nghe Cô Khéo giảng bài với cây thước trong tay nhịp lên nhịp xuống. Đến giờ chơi, các bạn ủa ra ôm chầm lấy tôi và chúng tôi nô đùa như không có chuyện gì. Rồi một hôm,

xóm tôi nhận được trát hầu toà, và ai nấy sửa soạn lên toà án Tây-Ninh. Đêm hôm đó, khi nghe tiếng gà gáy canh Ba (4), mẹ tôi đánh thức mọi người, thay quần áo và đi bộ đến chỗ tập trung để ngồi xe lên tỉnh. Xe vừa đến Ngã Tư Cầu Công ở chợ Trảng-Bàng thì anh Bảy tôi đã đứng chờ với chú Tám Lộc (Thầy Lộc).

Sau hơn hai tiếng đồng hồ, xe đã lên đến tỉnh. Chú Tám Lộc dẫn mọi người đi vô khu toà án. Khi cảnh sát mở hai cánh cửa và đọc tên từng người để vào hầu toà, lúc đó tim tôi đập thành thịch. Nhìn ông toà với bộ quần áo đen chiếm chệ ngồi trên ghế trông giống như một ông vua trong hình bìa của cuốn tuồng cải lương, tôi thầm nghĩ chắc ông toà rất minh mẫn và khó tính. Quan toà chậm rãi gọi tên từng đứa bé rồi hỏi cha mẹ và nhân chứng ngày sinh nhật của đứa bé. Mọi người đều trả lời đúng, nhưng quan toà chỉ cho một miếng giấy tạm để về đi học chứ chưa có giấy khai sinh.

Trên đường về, ai ai cũng mừng rỡ và huyền thuyên chuyện trò. Rồi từ đó tôi sáng đi học, chiều về chăn bò, kéo nước tưới trầu cau và phụ mẹ tôi đan vỏ xách. Khi tôi trở lại lớp học, đến cuối tháng, trong buổi lễ chào cờ và phát bảng danh dự, cô Khéo kêu tên tôi, tôi cứ tưởng mình đang mơ vì tôi học rất kém so với các bạn. Thầy hiệu trưởng Ân đọc tên tôi và giải thích rằng tôi được ban khen về hạnh kiểm tốt và siêng học. Tôi vui mừng khôn xiết, mừng hơn những ngày hạn hán gặp mưa dầm.

Năm lên lớp Nhất, tôi không đủ điểm về luận văn để miễn thi tiểu học cho nên tôi phải đi thi để lấy bằng tiểu học. Đề thi về luận tôi vẫn còn ghi nhớ: “Miền Nam ta có hai mùa: mùa mưa và mùa nắng. Em thích mùa nào nhất và giải thích tại sao”. Tôi chọn mùa mưa với lý do gia đình tôi được trông rọt, làm ruộng, cây cối sum sê, khí hậu không có nóng và tôi khỏi phải kéo nước tưới trầu cau



cho mẹ tôi. Chú Tám Lộc nghe tôi kể về bài luận thì chú bảo rằng cháu có nhiều hy vọng lên lớp đệ thất. Không ai hỏi tôi một câu về bài toán đó để tôi có dịp khoe cái tài khoa học của mình vì ai cũng biết tôi rất giỏi về toán.

Thời gian trôi qua, tôi vào lớp đệ thất, đệ lục của tư thực Minh-Đức. Mỗi ngày có giờ Hán Văn là tôi toát mồ hôi vì giáo sư Nguyễn Ngọc An (5) sẽ đánh sừng đít nếu không thuộc bài hay viết chữ Hán không đúng qui luật (từ trên xuống dưới, từ trái qua phải từ ngoài vào trong). Năm tôi lên đệ ngũ tôi chuyển lên trường bán công Đặng Văn Trước vì học phí rẻ hơn. Nơi đây, tôi học văn chương với nhà văn Thẩm Thệ Hà. Thầy hay khen tôi có tư tưởng hay nhưng không biết cách diễn đạt cho nên tôi không hề có bài luận nào được 10/20 điểm. Tôi bắt đầu ghét luận văn và tôi chỉ thích giờ cổ văn và kim văn. Tôi thuộc lòng bài văn hay bài thơ như cơm bữa. Tôi luôn luôn dùng lý luận của khoa học mà phân tích văn chương, nó tuy lạ, không giống các bạn trong lớp, nhưng không hiểu sao mà nhà văn Thẩm Thệ Hà lại thích đọc bài của tôi cho cả lớp nghe.

Năm 1963, trên đường từ trường về nhà, tôi thấy anh cán bộ Việt-Cộng cầm loa reu rao “Ngô Đình Diệm bị giết rồi!”. Sau đó, không bao lâu, nhiều nữ cán bộ đến nhà nhỏ to với mẹ tôi. Từ đó, mẹ tôi không cho tôi ra đồng nữa, chỉ làm việc lẩn quẩn bên mẹ. Một buổi sáng đẹp trời, tôi hao hức để đi bán bi với bạn hàng xóm, nhưng mẹ tôi bảo tôi đi ra ngoài chợ để gặp anh Bảy tôi. Anh tôi đưa tôi đến tiệm may quần áo để sắm quần tây và áo sơ-mi. Tôi tò mò hỏi anh thì anh bảo rằng mẹ quyết định gởi hai anh em mình đi Sài-Gòn ở với anh Năm. Đi Sài-Gòn à? Có gì vui ở dưới đâu, em thích ở nhà với bạn hàng xóm. Anh tôi chẳng buồn đến câu kêu nài của tôi. Sau khi thợ may đo ni xong, anh tôi dẫn tôi lên

nhà bà Út (em của ông Nội tôi). Chú Tám Lộc nói với tôi rằng đây là cơ hội cho cháu làm thầy giáo đó. Tôi bán tín bán nghi, nhưng không dám hỏi và chỉ cúi đầu im lặng. Hai tuần trôi qua, tôi len lén thổ thề với mẹ về việc đi Sài-Gòn, nhưng mẹ tôi chỉ ứa nước mắt mà không nói gì cả. Việc gì đến rồi sẽ đến. Hôm đó, tôi theo mẹ đi ra chợ bán gà và đó cũng là lần sau cùng tôi sống bên mẹ tôi hằng ngày.

Sau buổi chợ sớm, ba tôi đưa hai anh em tôi đi Sài-Gòn để sống với anh Năm của chúng tôi. Tôi ở nhà đôi ba ngày rồi theo chị Thu Ba (6) đến trường trung học Nguyễn Bá Tòng để thi vào lớp đệ Tứ. Lần đầu tiên tôi thấy ngôi trường dài đồ sộ và ông cha trong bộ y phục màu đen. Tôi sợ quá ôm lấy chị Thu Ba như nam châm thu sắt. Chị Thu Ba giảng nghĩa cho tôi đó là linh mục Đỗ Đình Tiệm, ông hiệu trưởng của trường này. Tôi khoanh tay và gật đầu chào ông hiệu trưởng, nhưng cái lưỡi của tôi như con sáo mới vừa học nói: “con ki ... ính cha.. ào thầy hiệu trưởng”. Cha Tiệm mỉm cười rất khoan hậu và đưa hai chị em tôi vào phòng khách. Tôi lại thấy một ông khác cũng mặc y phục dài đen, tôi chưa kịp mở mồm thì chị Thu Ba nói rằng: “Em à! Đây là cha Hà, giám học của trường”. Tôi tự hỏi “Giám học là ai?”. Ở nhà quê tôi, tôi chưa hề nghe qua, chỉ biết có ông giám thị cầm cây củ mây để đánh đít chúng tôi mà thôi. Tôi không biết chị Thu Ba nói gì với cha Hà mà Cha bảo tôi: “Con đừng có sợ, chậm rãi mà làm.” Trước mặt tôi là mảnh giấy trắng với cây viết chì. Tôi bắt đầu viết lý do tôi muốn đi học. Tôi không nhớ tôi trả lời bao nhiêu lần vì tôi muốn làm thầy giáo, để bà con trong xóm biết đọc và đi chợ. Khi qua bài toán, tôi làm rất nhanh vì những bài này tôi đã làm qua biết bao lần trong bộ sách anh Năm gởi về quê cho tôi. Khi còn ở nhà quê, Ba tôi đóng tấm bảng đen treo trong nhà và tôi dùng phấn viết bài toán rồi giải bài trên bảng như giáo sư Thuần

dạy toán cho chúng tôi. Tôi nhớ rất rõ: mấy tuần lễ đầu, tôi không tài nào viết cho ngay hàng. Tôi hình dung cách viết của các giáo sư rồi bắt chước nhưng sao nó khó khăn quá. Tôi kêu nài với mẹ thì chỉ nghe câu “có công mài sắt, có ngày nên kim.” Tôi đâu có mài sắt, tôi chỉ viết phấn lên bảng mà thôi. Dần dà tôi viết rất thẳng hàng, tôi không hiểu phép nhiệm màu từ đâu mà đến. Tôi ơi ới kêu mẹ vô xem, mẹ xoa đầu tôi và nói: “Má biết, con của má sẽ viết được ngay hàng!”.

Tôi vào lớp đệ tứ 4 của trường Nguyễn Bá Tòng chậm hơn các bạn một tháng, tôi thích nhất là giờ Pháp Văn của giáo sư Trần Thừa Dụ, người mà tôi hằng ao ước được làm học trò của ông ta. Anh Năm có gửi về nhà quê cho tôi quyển sách “Văn Phạm Pháp Văn” của Trần Thừa Dụ và cuốn L’art De Conjuguer của Le Bescherelle do nhà sách Hatier bên Pháp ấn hành. Tôi nắm lòng tất cả qui tắc trong sách của giáo sư Dụ và cách chia động từ. Khi theo học với thầy Dụ, thầy hay gọi tôi là Gramarcien chứ không có kêu tên tôi. Trong những giờ học hình học, tôi hay phát biểu và hay hỏi những câu mà cha Cử không trả lời được. Những bài toán mà cha Cử cho trong lớp tôi đã làm ở nhà. Anh Bảy bảo tôi phải giải hết tất cả bài toán trong sách, không thể bỏ sót một bài. Nếu bị bắt được sự thiếu sót thì không cho về quê gặp má tôi. Tôi thương mẹ lắm cho nên tôi làm đi làm lại nát như cuốn sách toán; do đó, khi cha Cử vừa viết đầu đề, tôi leo mép đọc luôn câu hỏi của bài toán. Tháng nào tôi cũng lãnh bảng danh dự hạng nhất và cất rất kỹ để đem về quê khoe mẹ.

Sau vài tháng ở trường Nguyễn Bá Tòng, anh Năm bị cha Cử kêu vào mắng vốn về tội leo mép và câu hỏi hơi cố chấp. Anh Năm dạy tôi về sự kính trọng thầy giáo: “Kính thầy mới được làm thầy; Em đừng bắt bí giáo sư nữa”. Anh Năm sao mà rành tâm lý quá



“Kính thầy mới được làm thầy” cho nên tôi cũng không làm khó dễ giáo sư Toán nữa (7). Nơi đây tôi gặp người bạn cùng xóm tên là Hùng. Anh ta là Bắc-Kỳ đặc cho nên tôi cũng không dám làm thân. Anh Năm nói rằng người Bắc cũng tốt như người dưới quê mình, vậy cho nên tôi mới dám gần gũi với Hùng. Hai chúng tôi học tập thể, làm hết những bài toán đại số của giáo sư Nguyễn Tá trước khi đến trường. Dần dà hai đứa chúng tôi là kỳ phùng địch thủ về Toán và Pháp Văn trong lớp. Thời gian trôi qua những cây phượng vĩ bắt đầu đơm bông và đỏ thắm, chúng tôi từ giả nhà trường để về luyện tập cho kỳ thi Trung Học Đệ Nhất Cấp.

Sau kỳ thi, Hùng và tôi vẫn la cà với nhau từ khu cư xá sĩ quan quân đội (8) đến chợ Nguyễn Tri Phương. Hùng dẫn tôi vào lòng chợ, tôi thấy nhiều sập bán đủ thứ, lung tung. Tôi cố nhớ để về quê kể cho mẹ nghe, nhưng không tài nào nhớ hết. Ngày đăng kết quả kỳ thi, Hùng chở tôi trên chiếc xe đạp đến trường Hùng Vương, hai đứa tôi chen vào để dò tên. Hùng la lên: “Phét ơi! Mày tìm được tên mày chưa, tao đỗ rồi!” Hùng họ Đinh nên tên nằm ở phía trên, còn tôi họ Trần cho nên nằm ở trang khác và gần cuối cùng. Hai đứa tiếp tục dò từng hàng và cuối cùng tôi thấy tên mình trên bảng. Hai đứa tôi mừng rỡ và quay về nhà. Anh Bảy nghe tin hai chúng tôi đều đậu thì mừng lắm nhưng anh ấy vẫn đạp xe đi xem.

Hai hôm sau, Hùng và tôi về quê thăm gia đình tôi. Khi ra đồng, Hùng rất vui thú và tò mò bắt cá, đùa giỡn với nước trong ruộng lúa. Tôi luôn luôn nhớ thân hình của Hùng đưa qua đưa lại khi đi trên bờ ruộng. Hùng ở thành phố, chưa bao giờ làm ruộng rẫy; do đó, chưa quen đi trên con đê ruộng, trơn trượt, nhỏ hẹp và đầy cỏ. Ngày vui qua mau, hai chúng tôi trở lại Sài-Gòn mang theo nhiều thổ sản để biếu mẹ (mẹ của Hùng).

Hè đã qua, Hùng và tôi trở lại Nguyễn Bá Tông. Sau một tháng ở Nguyễn bá Tông , tôi được giấy vào lớp đệ tam B2 của trường công lập Mạc Đĩnh Chi ở Phú-Lâm. Hai đứa tôi vẫn khấn khích bên nhau, tranh tài giải toán. Ba tôi có đóng cho hai anh em tôi tám bảng đen và treo ở nhà anh Năm, cho nên ban ngày chúng tôi ở nhà anh Năm; cuối tuần thì tôi được phép ngủ lại ở nhà Hùng.

Năm chúng tôi lên lớp đệ nhị, chúng tôi học rất chăm chỉ vì thi rớt tú tài 1 thì chỉ có chờ ngày đi lính và không lên được lớp 12. Chúng tôi học chung, hỏi bài cho nhau và cuối cùng cả hai chúng tôi đều đậu tú tài 1. Hình như đó là năm bố (Ba Hùng) mở tiệm ăn ở 114 đường Gia Long, gần chợ Bến-Thành. Bố mợ Hùng xem tôi như là con ruột. Bố bị giải ngũ cho nên phải dọn ra khỏi căn nhà lớn dành cho sĩ quan. Bố mợ mua một căn nhà nhỏ hẹp trong cư xá. Sáu anh em chúng tôi (Hùng có 4 đứa em trai) ngủ trên một cái phản. Những đêm mưa dột, chúng tôi đều thức giấc để tát nước ra khỏi nhà. Cuối tuần, tôi theo Hùng lên tiệm ăn vào buổi trưa để đi bỏ com tháng, xong việc chúng tôi về nhà và học chung với nhau. Chúng tôi hỏi nhau những bài thơ, tiểu sử tác giả trên đường đi bỏ com cho khách. Hùng ghét thơ, nhất là các bài hát ả đào. Tôi thì ngược lại nhớ nó rất dễ, nó tương tự các câu hò cây lúa ở quê tôi. Cuối Hè hai chúng tôi đều thi đậu tú tài 1, bà con trong cư xá tấm tắc khen bố mợ có hai đứa con học hành rất giỏi, đỗ tú tài ban B mà còn đỗ Bình Thứ nữa. Năm chúng tôi lên đệ nhất, tôi hầu như thường trực ở nhà của Hùng. Anh Năm đã vào quân ngũ, còn anh Bảy thì học đại học khoa học, anh Ba và anh Sáu còn ở nhà quê chăm lo ruộng vườn với ba mẹ.

Tết Mậu Thân năm 1968, tôi về quê ăn Tết với mẹ và bị kẹt ở quê nhà vì Việt Cộng tấn công Sài-Gòn. Các phương tiện di chuyển từ Trảng-Bàng đến Sài-Gòn đều bế tắc. Ba mẹ tôi buộc tôi phải

rời nhà quê ra chợ Trảng-Bàng ở nhà chú Tám Lộc để chờ ngày về lại Sài-Gòn. Tôi rất nôn nóng về Sài-Gòn để học thi với Hùng nhưng đành bó tay chịu trận. Hai tuần lễ trôi qua tôi trở lại Sài-Gòn, anh Bảy dẫn tôi ra ty cảnh sát để làm giấy khai báo sự vắng mặt của tôi trong lúc bị Việt-Cộng. Cả khu nhà đường Nguyễn Kim bị cháy rụi, tôi và Hùng nôn nóng đi tìm tin tức của Trần Văn Đức, và cuối cùng bạn tôi may mắn thoát chết. Thấm thoát 5 tháng trôi qua Hùng và tôi miệt mài học tập. Chúng tôi học ngoài hàng hiên của cư xá dưới ánh đèn dầu vì nhà Hùng rất eo hẹp. Mỗi lần gió lướt qua, hai đứa tôi cầu nguyện cây đèn thần đừng có tắt. Hai chúng tôi rất tự tin nơi sự chăm chỉ và nhất quyết sẽ làm rạng danh cho bố mẹ và ba má tôi.

Một chủ nhật tôi và Hùng đi bỏ cơm tháng cho khách, khi chúng tôi đang ăn cơm trưa với gia đình Hùng thì anh Bảy đạp xe lên tiệm ăn với nét mặt thảm sầu. Mẹ vội hỏi: “Anh Bảy có chuyện gì mà buồn thế ? Hãy vào đây dùng cơm với các em”. Hai dòng lệ tuôn tràn trên mặt anh tôi; anh tôi ôm tôi vào lòng và nói: “ Em ơi! Má đã mất rồi!”. Tôi chết đứng giữa trời, còn Hùng thì gào lên: “Trời ơi! Má mất thật sao? Sao anh biết?”. Cả nhà Hùng như gặp tai nạn, thương cho thân phận mồ côi của tôi. Tôi và Hùng đạp xe về lại nhà anh Năm. Tôi ủ rũ và nức nở. Anh Bảy thì gào lên như con hổ bị tên. Anh tôi kể lể: “ Má ơi! Má bán từng miếng trầu, miếng cau cho con ăn học. Chưa được báo hiếu thì má không còn...” Hùng luôn luôn bên cạnh và nắm lấy tay tôi. Tối hôm ấy, bố mẹ kêu Hùng và tôi về cư xá. Mẹ vỗ về an ủi trong khi bố cố gắng khích lệ tôi đừng thối chí mà thi rớt vì ngày thi chỉ còn khoảng 50 ngày. Hùng và tôi không có đi học hơn cả một tuần. Hai đứa bên nhau, đứa thì khóc lóc, đứa thì vuốt ve an ủi. Một hôm tôi nói với Hùng: “Chúng ta phải thi đậu, đó là cách báo hiếu

cho người mẹ tảo tần, dãi nắng dầm sương, che chở và bảo bọc con mình.”

*Tôi không thể nào quên được hình ảnh má tôi ngồi trên chiếc xe đò ở ngã tư Bảy Hiền để về Trảng-Bàng sau chuyến thăm ba anh em tôi. Sáng hôm ấy, Hùng và tôi đưa má tôi lên xe. Hai đứa tôi đứng đó và nhìn theo cái đuôi của xe đò cho đến khi mất dạng rồi mới trở về nhà . Đó là lần cuối cùng tôi thấy mặt má tôi.*

Trong lớp 12B2 của Mạc Đình Chi, ai cũng chia sẻ nỗi vất vả của tôi và cố động tôi trở lại nề nếp. Thầy dạy toán, rất hứng thú về năng khiếu toán của tôi và hy vọng đem lại thành quả vẻ vang cho trường cũng chịu sự buồn lây vì không biết tôi có vượt qua nỗi khổ đau hay không. Không một ai tin rằng tôi sẽ thi đậu vì biến cố xảy ra rất gần ngày thi Tú Tài 2. Dưới sự dìu dắt của hai anh tôi, sự chăm sóc và an ủi của bố mẹ, Hùng và tôi bắt đầu tập trung vào bài vở và cương quyết lập thành tích vẻ vang.

Tháng Bảy đến rồi, Hùng và tôi chuẩn bị rất cẩn thận để đi thi. Hai hôm trước ngày thi, tôi cảm thấy buồn vô hạn vì thương nhớ mẹ. Ngày thi đã đến, anh Bảy dẫn tôi đi ăn sáng, và đưa tôi đến trường thi. Anh Bảy ngồi ngoài cổng và chờ đợi. Tôi làm bài xong trước giờ ấn định, nhưng anh tôi dặn Hùng và tôi phải dò lại bài cho kỹ, đừng có nộp bài ra sớm. Tôi ra cửa đúng giờ ấn định và đi ăn trưa với anh tôi. Buổi chiều cũng vậy tôi chăm chú làm bài, quên cả anh Bảy đang thấp thỏm đợi chờ. Mỗi lần thấy tôi, anh Bảy luôn luôn khích lệ và khen thưởng. Chiều về Hùng và tôi trao đổi kết quả cho nhau trong khoảnh khắc rồi lại ôn bài vở cho ngày hôm sau. Ngày thi thứ nhì là môn chính, Toán buổi sáng, Lý Hoá buổi chiều. Hùng và tôi đều làm rất tốt. Ngày thứ ba là những môn

phụ: vạn vật và sinh ngữ 2. Sau những ngày vất vả tôi và Hùng tiếp tục đi bỏ cơm tháng và chờ kết quả.

Mỗi ngày chúng tôi đến trường Petrus Ký để lên nghe ban giám khảo đọc tên và ráp phách. Chúng tôi đã biết được kết quả qua những lỗ tai đặt vào vách tường nhưng anh Bảy bảo phải chờ kết quả chính thức. Tôi hơi thất vọng khi nghe tên mình chỉ đỗ Bình Thứ. Kết quả cuộc thi đã thông báo. Hùng và tôi đều đỗ Tú tài 2. Bố mẹ làm tiệc ăn mừng. Hai anh tôi thì vui mừng khôn xiết, nhắn tin về nhà quê cho ba tôi và hai anh. Sau một tuần vui chơi, tôi và Hùng bàn kế hoạch lên Đại Học. Tôi thi vào khóa 7 trường Sư Phạm Sài-Gòn để làm thầy giáo, còn Hùng thì đi Ban Kinh Tế ở trường Đại Học Vạn Hạnh. Tôi được tuyển vào Sư Phạm. Trong khi học năm thứ nhất ở Sư Phạm, tôi ghi tên dự bị văn khoa. Cuối năm tôi đậu dự bị và trúng tuyển vào ban Toán cho giáo sư đệ nhất cấp cấp tốc. Các thầy cô ở trường Sư Phạm khuyên tôi thi vào khoá 11 Đại Học Sư Phạm. Tôi rất phân vân vì chỉ có một năm nữa thôi, tôi sẽ thành thầy giáo, còn vào Đại Học Sư Phạm thì phải ba năm nữa. Vả lại tôi không có khiếu về văn chương. Cô giám thị Lê Thị Quan la rầy tôi vì tôi không đi nộp đơn và cuối cùng thầy Minh (dạy Pháp Văn) dắt tôi qua trường Đại Học Sư Phạm để nộp đơn. Tôi không ngờ tôi đậu vào ban Việt Hán Đại Học Sư Phạm. Gia đình tôi ai cũng hơn hờ vui mừng. Bố mẹ và Hùng cũng vui khôn xiết vì tôi còn ở lại Sài-Gòn 3 năm nữa. Tôi bắt đầu vào học lớp huấn luyện cho giáo sư Toán Cấp Tốc. Học được 3 tháng Hè, giáo sư Lý Công Cần gọi tôi vào văn phòng và ra lệnh cho tôi qua bên Việt-Hán. Tôi van xin được ở lại nhưng bị khước từ.

Năm đầu tiên của Đại Học Sư Phạm, tôi tham gia biểu tình chống tham nhũng và yêu cầu bộ giáo dục tách rời chính trị ra khỏi học



đường. Lúc bảy giờ ông Nguyễn Cao Kỳ đã sáng lập chương trình huấn luyện quân sự học đường và tham nhũng trong tiền viện trợ của Mỹ. Tôi và 71 sinh viên bị bắt giam ở quận Nhất. Chúng tôi tuyệt thực và đòi hỏi công lý. Sau một tuần bị giam, anh Năm lãnh tôi ra. Hành động này gây ra khó khăn về sau, khi tôi tốt nghiệp. Ba năm ở Đại Học Sư Phạm, tôi được sự khuyến khích và giúp đỡ của thầy cô như giáo sư Lê Hữu Mục và giáo sư Khuru Sĩ Huệ, tôi được dạy tư cho trường Trung Học Thánh Gioan ở đường Nguyễn Trãi, trung học Lĩnh Nam ở đường Trần Hoàng Quân trong vùng Chợ-Lớn và tình nguyện dạy cho trường nữ sinh mù ở đường Minh Mạng, ngã Sáu Chợ-Lớn. Ban đêm, tôi đi dạy toán luyện thi tú tài miễn phí cho những học sinh nghèo và hiếu học ở Trung Tâm Nghĩa Sinh nơi đường Hùng vương.

Khoảng năm 1969-1970, quân đội Cao-Miên tiêu diệt người Việt định cư trên lãnh thổ của họ. Dân Việt lìa bỏ xứ Chùa Tháp để hồi cư. Hàng ngàn dân ta từ già cho đến sơ sinh, tay bồng tay bế dắt nhau chạy loạn, vượt qua biên giới về tỉnh Tây-Ninh. Nhìn cảnh màn trời chiếu đất của dân ta trên quê nhà, sinh viên Đại Học Sư Phạm Sài-Gòn, đoàn Nghĩa Sinh Việt-Nam và học sinh, giáo chức Tây-Ninh thành lập Ủy Ban Cứu Trợ Việt-Kiều.

Trên đường từ Sài-Gòn lên Tây-Ninh, tôi và anh em đoàn Nghĩa Sinh dừng chân nơi Tha-La (9) xóm đạo, một địa danh lầy lừng trong thời kỳ kháng Pháp, nằm về phía Tây của quận Trảng-Bàng. Dưới bóng mát của hai luỹ tầm vong dẫn đường vào nhà thờ, không ai không ngậm ngùi với phong cảnh nên thơ, trù mển và oai nghiêm. Trước khi rời Trảng-Bàng, anh em Nghĩa Sinh chúng tôi cũng không quên thưởng thức hương vị bánh canh Trảng-Bàng và bánh tráng phơi sương.



Khi tới Phước-Điền, đoàn Nghĩa Sinh chúng tôi bắt tay ngay vào việc giáo huấn trẻ em và vệ sinh công cộng. Sinh viên Đại Học Sư Phạm Sài-Gòn dưới sự hướng dẫn của Nguyễn Vạn Thắng cùng giáo chức và học sinh Tây-Ninh dựng lều và cung cấp thực phẩm, thuốc men cho đồng bào. Dưới ánh nắng của trưa Hè nơi xứ được mệnh danh là “chó ăn đá, gà ăn muối” mọi người đều mệt lã. Anh em Nghĩa Sinh chúng tôi cố đào giếng để lấy nước cho đồng bào, nhưng công việc này rất gay go và cần nhiều nhẫn nại vì Tây-Ninh mực nước giếng rất sâu:

***Lấy chồng về miệt Tây-Ninh  
Xách nước giếng ba mươi sẩy, thất kinh ông bà!***

Chúng tôi cũng cố xoa dịu vết thương của đồng bào tị nạn và tạo cho đồng bào không khí, tập quán dân miền Nam, chúng tôi dạy trẻ em ca những bài lý con sáo. Bài hát đó càng tăng thêm nỗi bi thương của dân mình:

*Ai xui nó giết dân ta  
Để... cho, để .... cho cô bác, ơi người ơi! Bỏ... nhà ,  
bỏ... nhà ơi người ơi, mà sang đây!*

Ban đêm chúng tôi thay phiên nhau về nhà anh Tiên và chị Sương để nghỉ ngơi. Anh giáo viên Tiên với cuộc sống thanh đạm nhưng vòng tay của gia đình anh rất lớn, ôm ấp chúng tôi trong những ngày cứu trợ và làm cho chúng tôi thêm hăng say trong công việc. Trước khi về Sài-Gòn tiếp tục con đường học vấn, anh em chúng tôi đi thăm Tòa Thánh Tây-Ninh, địa phận của giáo phái Cao-Đài. Nhìn vào kiến trúc từ ngoài bách hoa viên cho đến trong cung điện của Tòa Thánh, không ai không bái phục.

Năm thứ hai tôi bị đánh rớt khoá 1, tôi phải đi học quân sự ở trung tâm huấn luyện Quang-Trung và vừa phải ôn bài để thi khoá hai. Năm thứ ba, tôi cứ ngỡ rằng tôi sẽ bị đánh rớt nhưng không hiểu tại sao tôi cũng ra trường.

Ngày đi nhận nhiệm sở là ngày hội họp nhất cho tân giáo sư nhưng tôi không hề bận tâm vì tôi tình nguyện và quyết chọn trường Trung Học Đất-Đỏ, nằm trong vùng hẻo lánh tỉnh Phước-Tuy, nơi bãi chiến trường vừa kết thúc và trường học bị đổ tan. Tôi lớn lên ở nhà quê, đã từng thấy bãi chiến trường, từng thấy nhiều trẻ em bị thất học, cho nên Đất-Đỏ là nơi tôi muốn dạy, dạy cho những trẻ em khốn khó như lúc tôi còn bé. Trong những năm ở Đất-Đỏ, tôi rất nghiêm khắc với học sinh, nhất là nữ sinh, tôi cương quyết và đề phòng “Vòng Tay Học Trò của Nguyễn Thị Hoàng” hay “Cánh Hoa Chùm Gửi của Quỳnh Giao”; “Ngựa Chừng Trong Sân Trường” của Duyên Anh” hoặc chủ thuyết "Lấy Thầy Mới Được Làm Cô"; do đó, tôi tạo khoảng cách với các em nữ sinh từ lớp 9 cho đến lớp 12 bằng cách áp dụng phương pháp

“khổ hạnh” của chủ thuyết giáo dục thuộc trường phái Thiên Tông. Các em Đất-Đỏ là máu huyết của tôi, là niềm an ủi của đời tôi làm thầy giáo. Tôi không muốn các em Đất-Đỏ phải sống cuộc sống hẩm hiu như thời thơ ấu của tôi. Tôi tìm mọi cách, ép buộc các em phải học, phải đậu tú tài 2 và tốt nghiệp đại học như tôi. Một nhóm em Đất Đỏ tạm trú ở nhà tôi để học luyện thi tú tài. Năm 1975 miền Nam sụp đổ, tôi cũng như các giáo chức ở Phước-Tuy phải đi cải huấn (Cộng Sản gọi là Cải Tạo) 7 ngày (10).

Trong lúc tôi còn ở Đất-Đỏ, trên đường từ trường về nhà trọ, em bé du kích bắt tôi đứng giữa chợ Đất-Đỏ và hăm dọa bắn bẻ đầu tôi vì tôi thuộc thành phần cải tạo, cải lệnh chính quyền đi ra đường sau 5 giờ chiều. Mỗi lần em ấy đưa cây AK 47 lên mặt tôi là mỗi lần tôi té tiểu trong quần. Dân làng xin hãn tha tôi nhưng hãn cương quyết không buông. Sau đó có người báo cho ông Tư Thanh, trưởng ban tuyên huấn Bà-Rịa Long-Khánh, cậu ruột của Nguyễn Ngọc Phương. Ông Tư Thanh từ Bà-Rịa chạy Honda xuống Đất-Đỏ và ra lệnh hãn cho tôi đi về nhà trọ. Sau lần thoát chết đó, tôi như con chim bị tên, lúc nào cũng sợ sệt và lo âu. Tôi không hề thù hãn hay oán hận em du kích, tôi chỉ tội nghiệp cho em ấy, một đứa bé vô giáo dục, không có cơ hội được tôi dạy dỗ. Tôi tâm sự với Phương, cùng dạy chung trước 1975, và sau đó tôi bị đưa đi Rừng-Lá.

Ngày cuối cùng ở Đất-Đỏ thầy trò đều đỏ mắt. Tôi bước vào lớp như người đã quá chén, đầu óc xoay cuộn. Tôi gượng tỉnh và nói lời giã từ, khuyên các em tiếp tục con đường học vấn và làm tốt mọi việc như khi tôi còn ở nơi này. Trong lúc tôi còn loay hoay dẫn giải thì cuối lớp tiếng nức nở òa lên rồi nó lan tràn như vết dầu loãn, cả lớp đều sụt sùi. Tôi không thể tự chủ được nữa và cũng ứa lệ với các em. Ngày tôi về Đất-Đỏ với bao niềm vui, với

tràn đầy hy vọng thì ngày tôi ra đi hoàn toàn trái ngược. Có lẽ định mệnh đã sắp xếp cho cuộc hành trình làm thầy giáo của tôi phải trải qua thử thách như giai thoại ni cô biến thành chim bìm bịp. Ni cô vì bội ước mà thành chim, còn tôi nào có lỗi ước gì với các em Đất-Đỏ mà lại bị lưu đày?

Chiều hôm ấy, tôi già từ hai phụ huynh nơi nhà trọ rồi đón xe về lại Sài-Gòn. Ngồi trong căn nhà nhiều kỷ niệm, thân phụ tôi cũng buồn lây và hỏi thăm những em học sinh những năm về trước. Tôi cũng chẳng biết các em ấy đi đâu và không có câu trả lời cho thân phụ. Nhìn xung quanh, tôi có cảm giác như các em vẫn thì thầm đọc sách, học phát âm tiếng bạch thoại và hỏi tôi giải những bài toán như xưa. Bỗng nhiên, tôi cảm thấy căn nhà lạnh tanh như một nơi hoang vắng mà lâu ngày không ai lui tới. Tôi nghe tiếng thở dài của ba tôi vì ba tôi hiểu được tâm trạng của tôi với học sinh Đất-Đỏ. Tôi bèn đứng lên cố gượng vui để ba tôi an lòng và nói với ba tôi những hy vọng một Đất-Đỏ thứ nhì nơi Rừng Lá.

Rừng lá là nơi rừng thiêng nước độc và là chỗ định cư của đồng bào di tản từ Bình-Long. Nơi đây không có đầy đủ nước uống hay đèn điện như ở Đất-Đỏ. Cuối tuần hiệu trưởng Học cùng thầy giáo đi tắm suối và giặt giũ. Theo lời anh Nguyễn Văn Học, anh là giáo viên bị đưa vào Nam. Anh Học rất nghèo và thương vợ con. Anh ấy thông cảm cho sự vất vả của chúng tôi. Những ngày Tết, chúng tôi mời anh Học về Sài-Gòn để cho anh ta quên đi nỗi cô đơn. Một hôm anh Ngọc quá nhớ nhà, anh em chúng tôi góp tiền mua cho anh vé xe lửa để lên về quê thăm gia đình. Không may chuyện bị lộ và anh Học bị khiển trách khi anh trở lại. Ở Rừng Lá, anh chị em giáo chức đều thuộc thành phần lý lịch xấu đối với chính quyền. Trường chỉ có 4 lớp (lớp 6-9) nhưng có nhiều giáo sư có cử nhân và cao học (3 giáo sư Văn Chương, 1 giáo sư Sử



Địa, 1 giáo sư Lý Hoá). Đa số ba của các em học sinh ở trong trại cải tạo. Những buổi chiều tôi ngồi một mình trên bậc thềm của trường, nhìn những hàng mây bay lơ lửng và ôm quanh đỉnh núi Mây-Tào, tôi buồn thú ruột và bắt đầu suy nghĩ lung tung; tôi nhớ gia đình, nhớ mẹ, nhớ bạn bè, nhớ người yêu và ứa lệ khi nhìn về Đất-Đỏ qua dãy núi Mây-Tào. Sau một năm, dân chúng bắt đầu biết tôi và giúp đỡ thì tôi bị đày đi Nhơn-Trạch ở Cát-Lái vào Hè năm 1976.

Trước khi về Nhơn-Trạch, tôi lập gia đình. Các em học sinh người Hoa thuộc trường trung học Thánh Gioan trợ giúp tôi về tài chính và phương tiện duy chuyển trong ngày tiểu đặng khoa. Nhà tôi ở Phú-Lâm, tôi thức giấc 4 giờ sáng, chia tay với vợ rồi đạp xe từ Phú-Lâm đến Nhơn-Trạch để dạy học. Thường xuyên tôi chỉ về nhà cuối tuần; đôi lúc tôi cũng về nhà thăm vợ giữa tuần. Từ nhà tôi đến Nhơn-Trạch phải qua phà Thủ-Thiên và phà Cát-Lái. Nếu trễ giờ thì phải đợi chuyển phà kế. Đứng trên phà Cát-Lái, nhìn những căn nhà nhô nhúc bên sông, tôi cảm thấy buồn ray rứt. Tôi nhớ quê tôi có con sông Vàm-Cỏ-Đông nhưng bà con đều ở xa bờ sông, còn ở Long-Xuyên, nơi nhà bạn gái tôi thì nhà chen chúc như bờ sông Cát-Lái. Tôi vẫn còn trầm tư thì phà tấp bến và thiên hạ đua nhau xuống phà. Từ nơi đây phải đạp qua Phước-Lý, một con dốc rất dài và cao rồi mới tới trường Nhơn-Trạch.

Theo qui chế mới, thầy cô phải tập trung ở trong trường và phải đi thăm viếng từng phụ huynh lớp chủ nhiệm. Có em ở xa lắc xa lơ, đạp xe hằng giờ mới tới nơi. Đôi khi tôi ngủ đêm ở nhà học trò, cùng phụ huynh bàn chuyện ruộng rẫy, cuộc đất trồng khoai. Tôi cũng ra ruộng, cấy lúa với phụ huynh, uống rượu đế, ca vọng cổ và quên đi sự đài ải của thể chế giáo dục mới. Những ngày giỗ ở nhà phụ huynh, tôi đều tham dự. Phụ huynh ở đây rất quý và

thương tôi vì tôi là hiện thân cho giai cấp nhà quê, cố gắng học tập để thành thầy giáo. Phụ huynh hay khuyên con bắt chước tôi mà cố học. Ở Nhơn-Trạch tôi dạy cả toán và văn chương, vì người bạn dạy toán, giáo sư Đường nhà ở Biên-Hoà, bị bệnh suyễn cho nên thường xuyên vắng mặt.

Ban đầu, tôi từ chối dạy toán và bị hiệu trưởng khiển trách. Hiệu trưởng Nam là đảng viên từ Bắc vào, ông ta rất hiền và hoà đồng với giáo chức miền Nam. Ông ta đưa ra nhiều lý lẽ bắt tôi dạy toán vì có người dạy chung, anh ta là anh của cô bạn cùng ban Việt-Hán với tôi, báo cáo với anh Nam là tôi từng mở lớp luyện thi Toán miễn phí ở trung tâm Nghĩa Sinh cho những học sinh nghèo trong lúc tôi học Đại Học Sư Phạm Sài-Gòn. Nhơn-Trạch để lại cho tôi nhiều kỷ niệm; học sinh hiền hậu, dễ thương như các em Đất-Đỏ và có cơ hội quần quít bên tôi nhiều hơn các em Đất-Đỏ. Các em thông cảm cho sự lên voi xuống chó của tôi. Trong những ngày nghỉ, tôi thường đạp xe đưa vợ về Cát-Lái để gặp phụ huynh và các em.

Ngày tháng qua nhanh, năm học chấm dứt, tôi đi học tập chính trị như những đồng nghiệp. Trong buổi học tôi bị anh cán bộ kêu ra ngoài, tôi tưởng rằng tôi sẽ bị đi tù vì lý lịch của gia đình. Vừa đi vừa thương cho vợ nếu chẳng may tôi có bị đi tù hay giết chết. Vợ tôi còn quá trẻ mà chịu cảnh góa bụa hay sao? Tôi run run bước chân vào văn phòng và hỏi hạp chờ phán quyết. Với gương mặt lạnh như đồng, anh ta nói rằng: “Đồng chí được chỉ thị về trường Thống Nhất B ở Gia-Kiệm”. Tôi càng run lên vì hiệu trưởng tên Sáu ở Gia-Kiệm nổi danh rất độc tài. Tôi van nài anh ta cho tôi về trường Thống Nhất A ở Hố-Nai. Anh gặng tôi lý do. Tôi thông thả trả lời: “Tôi sẽ học hỏi nhiều kinh nghiệm nơi đồng chí hiệu trưởng Thuận, người đã vang danh vô tư và hết lòng cho

giáo dục”. Anh ta cầm cây bút và ký tên vào giấy thuyên chuyển. Tôi vừa mừng vừa sợ. Khoá học chính trị đã xong, tôi về lại Sài-Gòn, báo tin cho vợ biết. Từ đó hai vợ chồng tôi sống như thời chiến tranh; thỉnh thoảng tôi mới có dịp về nhà. Vợ tôi vừa đi làm vừa chăm sóc cha chồng.

Năm 1978, vợ tôi mang thai, nhạc phụ tôi chuẩn bị vượt biên. Vợ tôi chạy đôn chạy đáo và xin được cho tôi một chân thợ điện trong công ty cấp nước nơi đường Lữ Gia ở Sài-Gòn. Tôi âm thầm từ bỏ nghề dạy học một cách đau thương để về gần vợ. Những ngày cắt vỏ xe hơi làm niền cho xe đổ rác hay làm giếp râu cho các ông lớn, tôi cứ tự hỏi sao ông trời không có công bằng. Trong sở vợ tôi, ai cũng biết tôi nguyên là giáo sư đệ nhị cấp cho nên họ tìm cách giúp đỡ tôi học những công việc mới. Anh Thuận hay bảo tôi:

Lao động là vinh quang

Lang thang là chết đói

Hay nói thì ở tù

Lù khù thì vẫn sống

Tôi chăm chỉ lao động để khỏi bị quấy rầy. Thỉnh thoảng, tôi đi bắt điện cho những văn phòng ở Gò-Vấp hay sở thú Sài-Gòn. Một hôm, một nhóm học sinh Hồ-Nai bất ngờ thăm viếng tôi ở Phú-Lâm, các em ngủ trọ một đêm và yêu cầu tôi dắt các em đi sở thú. Sau khi đưa vợ đi làm và xin phép nghỉ nửa ngày, tôi đưa các em đi thăm sở thú. Thầy trò dạo quanh vườn bách thảo và tôi khuyên các em hãy quên tôi đi mà tiếp tục học với thầy cô mới. Các em phản nộ rồi òa lên khóc. Tôi cố an ủi và vỗ về vì tôi không muốn rơi vào cảnh Đất-Đỏ của 4 năm trước. Tôi mãi loay hoay với các em và quên đi trách nhiệm của người chồng; tôi không về ăn cơm trưa với vợ và để vợ tôi trông đứng, trông ngồi nơi bàn làm việc. Tôi rất hối hận về việc này, nhưng tôi không hiểu được chính

mình. Tôi đứng trước ngã ba đường và rẽ sang phía học sinh để cho vợ tôi phải buồn trong lúc mang thai.

Năm 1979, khi con chúng tôi chào đời được hai tháng, tôi theo gia đình vợ vượt biên theo diện bán chính thức dành cho người Hoa. Nhạc phụ và nhạc mẫu mua giấy người Hoa cho tôi để tôi được đi. Lần ra đi đầu tiên, chiếc ghe chết máy trôi dạt 14 ngày từ Mỹ-Tho đến Bình-Tuy, tưởng chừng đã chết nhưng được Liên-Sô cứu và kéo về Vũng-Tàu. Cuộc hành trình thứ hai bị hải quân Việt-Nam kéo vô Côn-Đảo 1 tuần. Sau khi vợ vét hết những gì họ có thể làm rồi thả ra đi.

Trải qua hai lần thập tử nhất sinh, cuối cùng gia đình tôi định cư ở Mỹ vào ngày 19 tháng 1 năm 1980. Trong những năm đầu định cư ở Mỹ, vợ tôi là hình bóng của bà Tú Xương, quán xuyến mọi việc từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội. Những việc thông dịch đều do vợ tôi đảm trách. Sau một năm làm cho xưởng gỗ, gia đình tôi dọn lên Richmond, thủ đô của tiểu bang Virginia, để tôi đi học lại. Trong những ngày mới ở Richmond, từ nhạc phụ, nhạc mẫu cho đến các cô cậu em vợ đều chung tay giúp gia đình tôi phương tiện di chuyển. Hằng ngày cậu em chở tôi đi học.

Năm 1983, sau khi tôi tốt nghiệp cán sự điện tử với hạng Summa Cum Laude, không nơi nào chịu mướn vì tôi không nói được tiếng Anh. Trường đại học cộng đồng nơi tôi theo học, mướn tôi dạy lớp thí nghiệm. Một năm sau (1984) công ty điện lực mướn tôi làm cán sự cho nhà máy chạy bằng than. Ngoài giờ làm việc, họ trả tiền và chi phí cho tôi đi học kỹ sư. Đây là giai đoạn khổ cực nhất của vợ tôi vì tôi vừa làm, vừa học và không có thời gian với gia đình. Ba năm sau (1987) tôi được tuyển dụng vào trung tâm huấn luyện năng lực của công ty.

*Cũng năm 1987 tôi nhận được hung thư của Hùng báo tin ba tôi đã qua đời trong nỗi nhớ thương con. Tôi nghỉ làm 3 ngày và ân hận đã bỏ cha già nơi chôn nhau cắt rún. Vợ tôi cũng rất buồn nhưng gương gạo vui tươi để an ủi tôi. Tôi chợt nhớ lời Trung tá Quốc “số tôi cô độc, tha phương cầu thực, may mắn trên đường công danh và không thấy mặt cha mẹ lúc qua đời.”*

Năm 1998 tôi được biệt phái qua trung tâm huấn luyện của nhà máy phát điện chạy bằng nguyên tử. Những tháng năm tôi làm việc cho trung tâm huấn luyện nhân viên điều hành nhà máy phát điện chạy bằng nguyên tử, tôi rất đau buồn khi nhìn thấy những xe chuyên chở học sinh. Tôi nhớ lại thời dĩ vãng, những giờ giảng dạy dưới thời Việt-Nam Cộng-Hòa. Tôi luôn luôn u buồn và không sao chữa được. Tôi rất quạu quọ và nóng nảy. Một hôm tôi đi khám bác sĩ tâm lý, ông ta khuyên tôi đi học lại mà phải học về giáo dục. Trong sở tôi, họ ủng hộ và cổ vũ tôi đi học lại. Họ trả tất cả chi phí, từ thông dịch giấy tờ cho đến học phí để tôi trở lại học đường.

Ngày đầu tiên trong lớp học, ai cũng giới thiệu trường lớp của mình; tôi là người duy nhất “*mất dạy*”. Giáo sư hỏi qua lý do gì mà anh kỹ sư lại chọn cao học giáo dục. Tôi tự hào và thao thao bất tuyệt nói qua về trường Đại Học Sư Phạm Sài-Gòn và những tháng ngày tôi đi dạy học. Ngày nào tôi cũng ứa lệ khi tan trường. Sau hai khoá học, tôi phải tạm dừng vì công việc quá nhiều trong sở. Tôi chọn giờ đi làm về khác biệt với giờ xe chuyên chở học sinh để tôi không phải rơi lệ. Tuy nhiên, sau hai khoá học, bạn cùng lớp và giáo sư đã giúp tôi vượt qua nỗi nhớ nhưng trường cũ và cảm động trước chiếc xe buýt màu vàng (11).



Hầu hết đời tôi luôn gắn bó với ngành giáo dục. Hiện nay, tôi không có trường, có lớp nhưng tôi luôn luôn chia sẻ những kỹ thuật mới cho những huấn luyện viên thuộc trung tâm huấn luyện chuyên viên cho nhà máy phát điện chạy bằng nguyên tử ở tiểu bang Virginia, USA để họ có phương tiện dạy dỗ tốt và hiệu quả hơn.

## **Nếu tôi tái thế làm người Nguyện làm thầy giáo trọn đời kiếp sau**

Virginia, ngày 22 tháng 6 năm 2009  
Trần-Lâm Phát

---

### **Chú Thích:**

- (1) Một điệu ca cổ nhạc Nam-Phân.
- (2) Trong sách Luận Ngữ, Khổng Tử viết: Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri thị tri dã.  
知之為知之不知為不知是知也  
Biết thì nói biết, không biết thì nói không biết, tức là biết vậy.
- (3) Khi tôi 16 tuổi thì tôi hiểu được lý do mẹ tôi và ba tôi bắt tôi phải làm những việc cực nhọc và việc tôi không thích. Song thân tôi chỉ muốn tôi nên người, có học vấn. Đó là cách dạy con của song thân tôi. Khi tôi bắt đầu biết ơn cha mẹ thì mẹ tôi vội vã theo ông bà tôi. Năm ấy tôi 17 tuổi tây và 18 tuổi ta.
- (4) Nhà ba má tôi không có đồng hồ.
- (5) Nguyên là Tổng Trưởng Bộ Chiêu Hồi thời Việt-Nam Cộng-Hòa
- (6) Lúc bấy giờ chị Thu Ba chưa là vợ của anh Năm tôi
- (7) Sau này Cha Cử là người thân tôi nhất khi tôi tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm.

(8) Bô Hùng là Trung Úy.

(9) Tha-La xưa thuộc làng An-Hoà, quận Trảng-Bàng (cũng có tên Phú Đức, là nơi quê hương của Trần-Lâm Phát), tỉnh Tây-Ninh, sau thuộc tỉnh Hậu-Nghĩa, hiện nay thuộc tỉnh Tây-Ninh. Tha-La nằm ven quốc lộ số 1, cách thị trấn Trảng-Bàng khoảng 6 km về phía Tây. Tha-La nguyên thủy là tên của người Khmer gọi Schla, thuộc đất Chân-Lạp. Vào thời Minh Mạng (1840), linh mục Cosimo đưa một số con chiên lánh nạn đến Tha-La để khai thác và trốn tránh triều đình tiêu diệt Thiên Chúa Giáo. Sau khi Pháp xâm chiếm miền Nam thì thiên chúa giáo được nâng đỡ và khuyến khích, Tha-La trở nên một địa điểm có qui củ, nhà thờ được dựng lên chánh thức. Vào khoảng 1945, thanh niên xứ đạo Tha-La đã tích cực tham gia phong trào chống Pháp và Vũ Anh Khanh đã viết lên cảm nghĩ của ông khi về lại Tha-La.

(10) Từ “Cải Huấn” 改訓 dùng cho con người, còn từ “Cải Tạo” 改造 thì dùng cho đồ vô tri vô giác.

(11) Ở tiểu bang Virginia, học sinh được đưa đón bằng xe buýt sơn màu vàng.